

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp

TRƯỞNG CHÍNH TRỊ
HOÀNG ĐÌNH GIÔNG
Số... 479.....
ĐẾN Ngày 12/8/2020.
Chuyên.....
Lưu hồ sơ số:...

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới, có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc dài trên 333 km. Tỉnh có 9 huyện, 01 thành phố với 161 xã, phường, thị trấn; dân số trên 53 vạn người với 08 dân tộc chính (Tày, Nùng, Mông, Dao, Kinh, Sán Chỉ, Lô Lô, Hoa), trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 95%. Đảng bộ tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc với 588 tổ chức cơ sở đảng; 2.427 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở với trên 56 nghìn đảng viên.

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Tình hình nhân dân các dân tộc trong tỉnh cơ bản ổn định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; đồng tình với những chủ trương, quyết sách của Đảng và Nhà nước trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực.

Tuy nhiên, tình hình chính trị, kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp; vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh có nhiều mặt không thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thời tiết diễn biến bất thường, vấn đề môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ngày càng diễn biến phức tạp, giá cả một số mặt hàng phục vụ đời sống và sản xuất nông nghiệp không ổn định, giá sản phẩm nông nghiệp thấp, hiệu quả công tác cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí chưa cao; việc thực hiện chính sách hỗ trợ, bồi thường, tái định cư khi người dân bị thu hồi đất ở một số nơi chưa đảm bảo; vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, tranh chấp đất đai,... làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN 114-KL/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

1.1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước các cấp

Công tác quán triệt, triển khai và thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XI) về nâng cao hiệu quả

công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp (sau đây viết tắt là Kết luận số 114-KL/TW) gắn với thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước các cấp được cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện với nhiều hình thức, thiết thực, phù hợp, như: tổ chức hội nghị, tập huấn, thông qua hệ thống thông tin đại chúng với những nội dung về công tác dân vận nói chung, công tác dân vận các cơ quan nhà nước nói riêng tới đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện và chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết các văn bản liên quan đến công tác dân vận tại cơ quan, địa phương, đơn vị; phân công lãnh đạo phụ trách công tác dân vận của địa phương, đơn vị, cơ quan. Đồng thời chỉ đạo việc thực hiện, sơ kết, tổng kết công tác dân vận theo Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 1833-QĐ/TU, ngày 12/8/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Chương trình hành động số 38-CTr/TU, ngày 26/8/2013 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 25-NQ/TW).

1.2. Việc ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW

Tỉnh uỷ đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; đồng thời chỉ đạo các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Đến nay, 100% huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ đã xây dựng và ban hành các văn bản thực hiện Kết luận số 114-KL/TW.

Cơ quan nhà nước các cấp đã cụ thể hoá Kết luận số 114-KL/TW và các văn bản chỉ đạo của cấp uỷ bằng chỉ thị, quy chế, quy định, kế hoạch, chương trình... gắn với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh uỷ xây dựng và ký kết Chương trình phối hợp về thực hiện công tác dân vận giai đoạn 2016 – 2021. UBND tỉnh ban hành văn bản về tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác dân vận trong các cơ quan hành chính, chính quyền các cấp và ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện công tác dân vận chính quyền các cấp...

Các cấp uỷ đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết việc thực hiện

Kết luận số 114-KL/TW và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận, về thực hiện quy chế dân chủ của chính quyền, các cơ quan nhà nước... 5 năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã thành lập 98 đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra trực tiếp việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW tại 368 đơn vị cơ sở:

(có phụ lục các văn bản đã ban hành kèm theo)

2. Kết quả thực hiện Kết luận số 114-KL/TW của cơ quan nhà nước các cấp

2.1. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận thành chính sách, pháp luật

Thực hiện các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận chính quyền, cơ quan Nhà nước các cấp đã thể chế hóa thành quy chế trong chỉ đạo, điều hành, kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhất là việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được quan tâm, tạo điều kiện thực hiện việc giám sát các lĩnh vực của đời sống xã hội, giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội, an ninh - quốc phòng và các vấn đề có liên quan đến quyền lợi trực tiếp của nhân dân. Chỉ đạo xây dựng, ban hành cơ chế để phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội của nhân dân thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện lấy ý kiến của cán bộ, công chức và nhân dân theo quy định và quy chế làm việc; mở rộng dân chủ theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát”, qua đó phát huy và nâng cao quyền làm chủ của nhân dân.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND các cấp được chú trọng, trong đó nội dung các VBQPPL tập trung vào việc hoàn thiện thể chế về phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng cơ bản, kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; phân công, phân cấp cho cơ sở; cải cách thủ tục hành chính; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và triển khai thực hiện các chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội. Từ năm 2015 đến tháng 4/2020, HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh đã ban hành 1.095 VBQPPL; các văn bản ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; điều chỉnh kịp thời các quan hệ mới phát sinh, cụ thể hóa những chủ trương, chính sách của cơ quan Nhà nước cấp trên, góp phần hoàn thiện thể chế, phục vụ yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện việc rà soát toàn diện hệ thống VBQPPL hiện hành thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND các cấp, lập và công bố danh mục VBQPPL có nội dung không phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, cấp tỉnh đã thực hiện rà soát 92 văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành, sau rà soát, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 14 văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo đúng trình tự, thủ tục Luật quy định, phù hợp với Hiến pháp năm 2013; cấp huyện thực hiện rà soát 1.309 văn bản, cấp xã thực hiện rà soát 808 văn bản, qua rà soát các văn bản của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành có nội dung phù hợp với Hiến pháp năm 2013; Sở Tư pháp phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát VBQPPL về quyền con người, rà soát 12 văn bản về quyền của một nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, 02 quyết định về đối ngoại hợp tác quốc tế triển khai, thi hành Hiến pháp năm 2013. Qua rà soát, các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành đúng căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với văn bản của Trung ương.

2.2. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước gắn với thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC)

Cấp uỷ, chính quyền các cấp thường xuyên quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác dân vận gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; phân công lãnh đạo phụ trách công tác dân vận tại các cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện nghiêm túc quy chế tiếp công dân, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với nhân dân; tiếp nhận, xử lý, giải quyết tốt đơn, thư tố cáo, khiếu nại.

Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình giám sát chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết, khiếu nại tố cáo; kịp thời kiến nghị biện pháp phòng ngừa, chấn chỉnh vi phạm trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo; tăng cường các hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri...Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân thông qua việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trước khi xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của chính quyền. Tập trung xây dựng các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tích cực thu hút đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của tỉnh; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khai thác tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới; tăng cường kỷ luật, kỷ cương nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

2.3. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ (QCDC) cơ sở, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Nhà nước, việc phát huy vai trò của nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, CBCCVC

Các cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; công khai minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành công tác quản lý và sử dụng tài sản công, công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị; triển khai thực hiện tốt công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập. Tổ chức nền nếp hội nghị cán bộ công chức hằng năm, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức, thông qua việc thảo luận, bàn bạc, lấy ý kiến góp ý về các phương pháp tổ chức, hoạt động, lề lối làm việc; thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức. Quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể, ban thanh tra nhân dân và nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, các hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Duy trì hiệu quả đường dây nóng, hòm thư góp ý tại cơ quan nhằm tiếp thu, xử lý những thông tin của tổ chức, cá nhân phản ánh về các vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị, nhất là ở những lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến người dân và các tổ chức, đơn vị khác. Chủ động xây dựng, rà soát, bổ sung hệ thống các quy chế, quy định về thực hiện dân chủ trong đơn vị; gắn việc thực hiện dân chủ với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị. 5 năm qua, tỉnh đã thành lập 29 đoàn kiểm tra, kiểm tra trực tiếp 119 đơn vị về thực hiện QCDC ở cơ sở.

2.4. Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, các vụ kiện đông người, phức tạp, kéo dài

Tỉnh ủy ban hành Quy chế đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp với nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 921-QĐ/TU, ngày 28/3/2017; Quy định về việc tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị kèm theo Quyết định số 2305-QĐ/TU, ngày 13/8/2019; Nội quy tiếp công dân tại Tỉnh ủy Cao Bằng kèm theo Quyết định số 2304-QĐ/TU, ngày 13/8/2019; Quy chế tiếp công dân của Bí thư Tỉnh ủy theo Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị kèm theo Quyết định số 2306-QĐ/TU, ngày 13/8/2019.

Chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về tiếp công dân. Thường trực Tỉnh ủy xây dựng lịch tiếp công dân hằng tháng theo quy định, lãnh đạo UBND tỉnh, HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội (ĐBQH), Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH, Văn phòng HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp dân định kỳ vào ngày 16 hằng tháng; các sở, ban, ngành, UBND

huyện, thành phố xây dựng lịch tiếp dân và thực hiện việc tiếp công dân định kỳ theo quy định Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân. Ban Tiếp công dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên vào những ngày làm việc và cử cán bộ tham gia tiếp dân vào ngày làm việc đầu tiên hàng tháng cùng Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác rà soát và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện, phức tạp, đông người, kéo dài. Các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân mà lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành chưa giải quyết được, đều có kết luận và thông báo giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị xử lý, trả lời cho công dân theo quy định của pháp luật.

Đối với các vụ việc phức tạp kéo dài, tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thành lập các Tổ rà soát để tiến hành rà soát các vụ việc phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh; tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân. Từ năm 2015 đến nay, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp trên 1.876 lượt người; nhận được 2.272 đơn thư khiếu nại và 461 đơn thư tố cáo, tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đạt trên 83%; tổ chức được trên 75 cuộc đối thoại với nhân dân; thành lập tổ rà soát và đã tiến hành rà soát 8 vụ việc; đang tiến hành 03 vụ việc; rà soát lại toàn bộ hồ sơ và tổng hợp báo cáo kết quả rà soát 02 vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài; theo dõi, đôn đốc 17 vụ việc thuộc địa bàn 05 huyện, thành phố.

2.5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC); việc thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc; quy tắc ứng xử của đội ngũ CBCCVN, người đứng đầu cơ quan, đơn vị

Tỉnh đã ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các sở, cơ quan ngang sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” để giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp được chỉ đạo quyết liệt¹. Thực hiện quy chế dân chủ gắn với cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và người dân đến giao dịch được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện... hạn chế tình trạng sách nhiễu, gây phiền hà cho công dân và doanh nghiệp; góp phần làm trong sạch bộ máy, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ hành chính.

¹ Chỉ số PAR-INDEX: Năm 2015 đạt 75,83%, xếp 62/63; năm 2016 đạt 61,39%, xếp 62/63; năm 2017 đạt 74,55%, xếp 45/63; năm 2018 đạt 71,22%, xếp 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chỉ số PAPI: năm 2016 đạt 34,32 điểm, xếp 53/63; năm 2017 đạt 35,85 điểm, xếp 41/63; năm 2018 đạt 44,06 điểm, xếp 31/63; năm 2019 đạt 44,81 điểm, xếp 15/63 tỉnh, thành phố.

Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/9/2019 với hơn 1.200 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của 18 sở, ngành được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm, trong đó có 95 TTHC được giải quyết tại Trung tâm theo phương thức “4 tại chỗ”. 100% các cơ quan, đơn vị công khai TTHC theo quy định với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là 1.737 TTHC (cấp tỉnh 1.406 TTHC, cấp huyện 212 TTHC, cấp xã 119 TTHC). Hằng năm, các cơ quan hành chính thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết đối với trên 56,5% (981/1.737) số TTHC, tỷ lệ cắt giảm thời gian đạt tối thiểu từ 20% - 30%; việc triển khai tích cực, đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh quy trình thực hiện TTHC đã góp phần nâng cao sự tin tưởng, ủng hộ và đồng thuận của nhân dân đối với chính quyền các cấp.

Công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công chức được quan tâm, chất lượng phục vụ nhân dân của cán bộ công chức từng bước được nâng cao. Đa số cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần trách nhiệm khi giải quyết các công việc; phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong giải quyết công việc, thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, công dân, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự và thời gian quy định. Năm 2016, tỉnh chỉ đạo thành lập Tổ kiểm tra, giám sát việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Cao Bằng do lãnh đạo Sở Nội vụ làm Tổ trưởng, chỉ đạo lập “đường dây nóng”, công khai số điện thoại của các thành viên Tổ kiểm tra tại trụ sở cơ quan, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị và trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và nhân dân phản ánh về những hành vi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu nhân dân của CBCCVC. Qua theo dõi, kiểm tra, các cơ quan, đơn vị và CBCCVC cơ bản chấp hành tốt các chính sách, pháp luật, quy định, quy chế của nhà nước, cơ quan; có ý thức trách nhiệm trong công việc, chủ động, nhiệt tình tham mưu tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin" được đội ngũ CBCCVC, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thực hiện khá tốt.

2.6. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI)

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hệ thống tiêu chuẩn chức danh

công chức, viên chức; từng bước xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức một cách hợp lý. Triển khai xây dựng vị trí việc làm; đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Quá trình thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện công khai, dân chủ, tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành. Chất lượng và cơ cấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có sự chuyển biến tích cực. Tính đến hết năm 2020, thực hiện giảm được 194 biên chế, đạt 8,45% so với số biên chế công chức giao năm 2015 (2.295 biên chế). Số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2020 là 16.521 biên chế; tính đến hết năm 2020, thực hiện giảm được 1.302 biên chế, đạt 7,3% so với số biên chế sự nghiệp giao năm 2015 (17.823 biên chế). Việc thực hiện tinh giản biên chế theo các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Trung ương được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020 toàn tỉnh thực hiện tinh giản 1.166 biên chế.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Ban Chấp hành Trung ương "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả", tỉnh tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị gắn với vị trí việc làm, bố trí tinh gọn đầu mối, biên chế của các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng lộ trình theo quy định. Đến nay, tỉnh Cao Bằng có 19 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 01 Ban Quản lý Khu kinh tế; 09 huyện, 01 thành phố và 161 xã, phường, thị trấn; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của 21/21 sở, ban, ngành, sau sắp xếp còn 154/249 đơn vị, giảm 95 phòng, chi cục, phòng thuộc chi cục; giảm 163 đơn vị sự nghiệp công lập (670/833).

2.7. Kết quả thực hiện các phong trào thi đua yêu nước nhất là phong trào thi đua "Dân vận khéo", lĩnh vực dân vận các cơ quan Nhà nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo" gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khoá XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 05-CT/TW), phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" và các cuộc vận động thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, của địa phương, cơ quan, đơn vị... đã huy động được cả hệ thống chính trị tham gia, nhiều mô hình, điển hình có sức lan toả được nhân rộng đã góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết những vấn đề bức xúc trong xã hội, tạo được sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân. Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng và duy trì được trên 5.400 mô hình "Dân vận khéo" trên các lĩnh vực; có 11 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn

mới, bình quân toàn tỉnh đạt 10,41 tiêu chí/xã. Các mô hình “Dân vận khéo” góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận và hoạt động của các cơ quan trong việc hướng về cơ sở, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị.

Các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua yêu nước trong đó có phong trào thi đua “Dân vận khéo”; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến tiêu biểu, góp phần động viên cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; khích lệ tinh thần và tạo động lực cho người dân tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Đồng thời cơ quan nhà nước các cấp đã đưa việc thực hiện công tác dân vận và quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan thành một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

2.8. Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện công tác dân vận.

Cơ quan nhà nước các cấp phối hợp, tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Phối hợp giải quyết có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, khai thác khoáng sản, tham gia tuyên truyền, đấu tranh với tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh, đạo lạ, các hoạt động tôn giáo trái pháp luật.... Phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và xây dựng nông thôn mới. Chủ động nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và nhân dân đối với đại hội đảng bộ các cấp; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân vào dự thảo các văn kiện Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Đại hội XIII của Đảng. Phối hợp xây dựng hướng dẫn, kế hoạch, tham gia thực hiện quy trình bầu cử trưởng xóm, tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ 2020-2025, bầu ban thanh tra nhân dân, nhiệm kỳ 2020-2022. Đẩy mạnh hoạt động giám sát, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải thích, thuyết phục công dân chấp hành các quyết định giải quyết đúng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, công tác dân vận của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến và đạt được một số kết quả tích cực. Cấp ủy,

chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Kết luận số 114-KL/TW. Nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên trong hệ thống chính trị, nhất là cơ quan chính quyền các cấp về công tác dân vận được nâng lên. Phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước đã có nhiều đổi mới theo hướng trọng dân, gần dân, vì dân, chăm lo, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Công tác cải cách hành chính, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp được thực hiện đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đến giải quyết công việc. Sự phối hợp giữa chính quyền với các cơ quan dân vận, MTTQ, các đoàn thể chính trị xã hội được tăng cường, tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia xây dựng đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Công tác dân vận của cơ quan nhà nước đã góp phần phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận của nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khó khăn

Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước. Việc cụ thể hóa các chủ trương về công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước còn hạn chế; vai trò của một số cán bộ được phân công, phụ trách công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước chưa được phát huy.

Công tác tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có nơi còn hình thức, chưa kịp thời, nội dung, hình thức tuyên truyền chậm đổi mới. Việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận ở một số cơ quan nhà nước chưa được triển khai thực hiện kịp thời.

Công tác cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng chưa đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của tổ chức, công dân, nhất là ở cơ sở. Công tác tiếp dân của lãnh đạo chính quyền các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, chưa gắn việc tiếp dân với chỉ đạo xử lý và đôn đốc, theo dõi, giải quyết.

2.2. Nguyên nhân

Một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về công tác dân vận. Năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, công chức về công tác dân vận chính quyền còn hạn chế.

Một số cơ chế chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của nhân dân chậm được bổ sung, sửa đổi. Việc nắm tình hình nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời, một số kiến nghị chính đáng của nhân dân chưa được giải quyết kịp thời.

Cơ chế giám sát, phản biện xã hội, tham gia quản lý nhà nước, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chưa được triển khai đồng bộ

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận và công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước trong tình hình mới. Xác định rõ quan điểm công tác dân vận là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt kịp thời các quan điểm, nghị quyết của đảng, nhà nước về công tác dân vận, nhất là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước; đồng thời cụ thể hóa thành những nội quy, quy chế để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện.

Hai là, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp; tích cực rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy trình công tác, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng nếp sống văn minh công sở trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ba là, có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị trong việc thực hiện công tác dân vận. Coi trọng, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Bốn là, phải nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tham gia xử lý những công việc liên quan trực tiếp đến người dân.

Năm là, chú trọng công tác kiểm tra, sơ, tổng kết, biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình trong thực hiện công tác dân vận.

IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác dân vận, trọng tâm là: Nghị quyết số 25-NQ/TW; Kết luận số 03-KL/TW, ngày 13/5/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quyết định 290-QĐ/TW của Bộ chính trị (khoá X) về quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Kết luận số 114-KL/TW; Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW và các văn

bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh về công tác dân vận trong các cơ quan Nhà nước các cấp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện công tác dân vận, nhất là công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước.

2. Đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân; giải quyết kịp thời những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng liên quan trực tiếp đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân, không để vụ việc phức tạp kéo dài, khiếu kiện đông người theo phương châm “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến lợi ích của người dân. Thực hành dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, bảo đảm để nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, giám sát cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của bộ máy Nhà nước. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

4. Tiếp tục thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước và phong trào thi đua “Dân vận khéo”, nhất là Dân vận khéo trong xây dựng nông thôn mới gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU và Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII).

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương (báo cáo),
- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thành uỷ,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc TU,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Triệu Đình Lê

Phụ lục 1

**Các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW
và các văn bản liên quan**

(kèm theo Báo cáo số 691-BC/TU, ngày 07/8/2020 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

Stt	Tên văn bản	Số, ký hiệu, ngày ban hành	Cơ quan ban hành
Văn bản của Tỉnh ủy			
1	Quyết định ban hành Quy chế đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp với nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	Số 921-QĐ/TU, ngày 28/3/2017	Tỉnh ủy
2	Quyết định ban hành Quy định trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.	Số 922-QĐ/TU, ngày 28/3/2017	Tỉnh ủy
3	Kế hoạch, kế hoạch chuẩn bị các nội dung và xây dựng báo cáo làm việc với Đoàn khảo sát Ban Chỉ đạo Trung ương sơ kết 5 năm Thực hiện Quyết định 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) “Về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”	Số 330-KH/TU, ngày 25/4/2015	Tỉnh ủy
4	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp	Số 12-KH/TU, ngày 11/12/2015	Tỉnh ủy
5	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 03-KL/TW, ngày 13/5/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khoá X) về “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”	Số 64-KH/TU, ngày 07/7/2016	Tỉnh ủy
6	Công văn về việc báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 về “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp”	Số 295-CV/TU, ngày 18/10/2016	Tỉnh ủy
7	Công văn về việc triển khai thực hiện “Năm dân vận chính quyền” 2018	Số 686-CV/TU, ngày 02/4/2018	Tỉnh ủy

8	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.	Số 332-KH/TU, ngày 06/5/2019	Tỉnh ủy
9	Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khoá X) “về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị” và Quyết định số 1833-QĐ/TU, ngày 12/8/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng.	Số 436-KH/TU, ngày 27/02/2020	Tỉnh ủy
10	Kế hoạch chuẩn bị các nội dung làm việc với Đoàn kiểm tra Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khoá X) “về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”.	Số 437-KH/TU, ngày 27/02/2020	Tỉnh ủy
11	Hướng dẫn thực hiện “Năm dân vận khéo” 2020.	Số 22-HD/TU, ngày 04/3/2020	Tỉnh ủy
12	Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW	Số 482-KH/TU, ngày 12/6/2020	Tỉnh ủy
Văn bản của UBND tỉnh			
1	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	Số 1068/KH-UBND, ngày 11/5/2015	UBND tỉnh
2	Chương trình phối hợp giữa Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy về thực hiện công tác dân vận giai đoạn 2016-2021	Số 04-CTr/BCSĐUBND-BDVTU, ngày 23/12/2016	Ban cán sự Đảng UBND tỉnh- Ban Dân vận Tỉnh ủy
3	Kế hoạch phối hợp giữa Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy về thực hiện “Năm dân vận chính quyền” 2019	Số 46-KH/BCSĐUBND-BDVTU, ngày 29/3/2019	Ban cán sự Đảng UBND tỉnh- Ban Dân vận Tỉnh ủy
4	Công văn về việc tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác dân vận trong các	Số 2454/UBND-NC, ngày 02/8/2017	UBND tỉnh

	cơ quan hành chính, chính quyền các cấp		
5	Công văn về thực hiện kế hoạch phối hợp thực hiện “Năm dân vận chính quyền” 2019	Số 2880/UBND-NC, ngày 20/8/2019	UBND tỉnh
6	Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2020	Số 743/KH-UBND, ngày 26/3/2020	UBND tỉnh
7	Công văn về triển khai thực hiện năm “Dân vận khéo” 2020	Số 654/UBND-NC, ngày 17/3/2020	UBND tỉnh
Văn bản chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở			
1	Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;	Số 08 -CT/TU, ngày 09/5/2016	Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện QCDC ở cơ sở	Số 2838-QĐ/TU, 27/12/2014	Tỉnh ủy
3	Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện QCDC ở cơ sở.	Số 566-QĐ/TU, ngày 25/8/2016	Tỉnh ủy
4	Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện QCDC ở cơ sở	Số 1478-QĐ/TU, ngày 13/3/2018	Tỉnh ủy
5	Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI	127-KH/TU, ngày 14/4/2017	Tỉnh ủy
6	Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP, ngày 19/6/2013	Số 224-KH-TU, ngày 07/5/2018	Tỉnh ủy
7	Công văn đề nghị báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ	Số 19 -CV/BCĐ, ngày 01/6/2020	BCĐ tỉnh về QCDC ở cơ sở

Phụ lục 2

Tổng hợp số liệu 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW
(kèm theo Báo cáo số 691 -BC/TU, ngày 07/8/2020 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

1. Số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận của cơ quan nhà nước sau khi có Kết luận số 114-KL/TW

Tên loại văn bản	Tổng số
Kế hoạch	71
Chương trình	27
Quyết định, Công văn	60

2. Chức danh cán bộ cơ quan nhà nước được phân công phụ trách công tác dân vận

UBND tỉnh	UBND huyện, thành phố; các sở, ngành	UBND xã, phường, thị trấn
- Cấp trưởng: Chủ tịch UBND - Cấp phó: Phó Chủ tịch UBND	- Cấp trưởng: Chủ tịch UBND, Giám đốc Sở và tương đương - Cấp phó: Phó Giám đốc và tương đương; Phó Chủ tịch UBND	- Chủ tịch: Chủ tịch UBND; Chủ tịch UBMTTQ - Phó chủ tịch: Phó Chủ tịch UBND

3. Công tác kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW

Năm	Số đoàn kiểm tra	Số cuộc kiểm tra	Số đơn vị kiểm tra
2015	14	33	48
2016	17	42	54
2017	21	48	97
2018	18	48	79
2019	20	39	73
2020	8	14	17
Cộng	98	224	368

4. Kết quả cải cách thủ tục hành chính

4.1. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Mức độ 3 (357/534 thủ tục = 66,85%)	Mức độ 4 (177/537 thủ tục = 33,15%)
-------------------------------------	-------------------------------------

4.2. Tình hình biên chế

Cấp xã	Cấp huyện		Cấp tỉnh	
	Công chức	Viên chức	Công chức	Viên chức
Giữ nguyên biên chế giao năm 2015	Đã giảm 10% so với năm 2015	Đã giảm 7,26% so với năm 2015	Đã giảm 7,08% so với năm 2015	Đã giảm 7,39% so với năm 2015

5. Kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại các cơ quan, đơn vị

5.1. Đơn thư khiếu nại

Số lượng đơn thư đã tiếp nhận	Tiếp nhận, giải quyết				Vụ việc khởi kiện ra tòa			
	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết	Số đơn thư đã giải quyết (đơn/vụ việc); đạt tỷ lệ %	Số đơn thư động (đơn/vụ việc); chiếm tỷ lệ %	Số đơn thư vượt cấp (đơn/vụ việc); chiếm tỷ lệ %	Tổng số (vụ việc)	Tòa giữ nguyên QĐ (vụ việc = ...%)	Tòa hủy QĐ (vụ việc = ...%)	Bổ sung, sửa đổi QĐ (vụ việc = ...%)
2272	1580	1571 (99,42%)	9 (0,58%)	0	14	13 (92,8%)	1 (7,2%)	0

5.2. Đơn thư tố cáo

Số lượng đơn thư đã tiếp nhận	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết	Số đơn thư đã giải quyết; đạt tỷ lệ %	Số đơn thư tồn đọng; chiếm tỷ lệ %
461	185	181 (97,8%)	4 (2,2%)

6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Luật Tiếp công dân trung bình hằng năm

Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành			Chủ tịch UBND tỉnh		
Số lần tiếp định kỳ (lượt người)	Số lần tiếp đột xuất (lượt người)	Số cuộc đối thoại (cuộc)	Số lần tiếp định kỳ (lượt)	Số lần tiếp đột xuất (lượt)	Số cuộc đối thoại (cuộc)
1792	84	154	63	02	32

7. Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở

Số lượng vụ, việc hòa giải	Số vụ, việc hòa giải thành công; đạt tỷ lệ %
6474	4367 (67,5%)

8. Về giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài ở địa phương

Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài				Kết quả giải quyết các vụ việc “Tổ công tác của Phó Thủ tướng TT Chính phủ chỉ đạo từ năm 2019” (nếu có)		
Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ %	Số vụ việc tồn đọng; chiếm tỷ lệ %	Số vụ việc cần sự hỗ trợ của TW (vụ); chiếm tỷ lệ %	Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ %	Số vụ việc tồn đọng; chiếm tỷ lệ %
61	51 (83,6%)	10 (16,4%)	0	0	0	0

9. Số điển hình “Dân vận khéo” của các cơ quan nhà nước

Điển hình tập thể	Điển hình cá nhân
69	122